

THỰC TRẠNG VÀ NHỮNG GIẢI PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ KINH TẾ SẢN XUẤT RAU AN TOÀN Ở HUYỆN ĐỒNG HỖ, TỈNH THÁI NGUYÊN

Lưu Thái Bình, Đỗ Thị Bắc*

Situation and solutions to develop safe vegetable production in Dong Hy districts, Thai Nguyen province

(Summary)

Dong Hy is a mountainous district of Thai Nguyen province. In the district, total area is 46,177.34 ha, of which agricultural area is 11,854.65 ha and annual crop land accounts for 53.8%. In 2004, the province has population of 123,899 people, and density of 268 people/ km², among them 109,921 people live in rural area. People in Dong Hy have rich experiences in vegetable growing; they know how to make full use of favorable advantages of land and climate to grow various kinds of vegetables. However, in the last few years, vegetable growth and production in Dong Hy has been not compatible with its potential, productivity has not been high, planter's income has been unstable and their life has needed to be improved. In vegetable growth and production, apart from increase in quantity and kinds of vegetable, vegetable planting has emerged some drawbacks such as: unselective application of chemical technical advance, soil science, biological technology, etc., which have increased pollution level to vegetable products. Nowadays, safe vegetable production and consumption are urgent issues for the sake of socioeconomic development, environment and people health. Many solutions need to be implemented to promote diversification, production and consumption of safe vegetable products, and enhance their gross and quality in Dong Hy.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Đồng Hỷ là một huyện miền núi của tỉnh Thái Nguyên với tổng diện tích tự nhiên là 46.177,34 ha, diện tích đất nông nghiệp có 11.854,65 ha, trong đó đất trồng cây hàng năm chiếm 53,8%. Năm 2004 huyện có 123.899 nhân khẩu, trong đó dân số nông thôn là 109.921 người; mật độ dân số 268 người/km². Người dân Đồng Hỷ có kinh nghiệm trồng rau, biết vận dụng lợi thế về đất đai và khí hậu để sản xuất ra nhiều loại rau. Tuy nhiên, trong thời gian qua phát triển sản xuất rau chưa tương xứng với tiềm năng, hiệu quả sản xuất rau còn thấp, người dân trồng rau thu nhập không ổn định và đời sống cần được cải thiện. Phát triển sản xuất và thâm canh rau, bên cạnh mức gia tăng về khối lượng và chủng loại, trồng rau hiện đang bộc lộ mặt trái đó là việc ứng dụng thiếu chọn lọc các tiến bộ kỹ thuật về hoá học, nông hoá thổ nhưỡng, công nghệ sinh học... đã làm tăng mức độ ô nhiễm các sản phẩm rau xanh. Hiện nay sản xuất và tiêu dùng rau an toàn là vấn đề có tính cấp thiết vì sự phát triển kinh tế - xã hội, môi trường và sức khoẻ con người. Cần thực hiện những giải pháp để phát triển đa dạng hoá sản phẩm rau an toàn, phát triển sản xuất và tiêu thụ rau an toàn, nâng cao giá trị và chất lượng sản phẩm rau an toàn ở huyện Đồng Hỷ.

2. Ý NGHĨA CỦA VIỆC PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT RAU AN TOÀN

Sản xuất rau an toàn góp phần chuyển dịch cơ cấu

TS. Trường ĐH Kinh tế và QTKD Thái Nguyên

kinh tế, góp phần thúc đẩy kinh tế nông thôn, phát triển công nghiệp chế biến thực phẩm và dịch vụ nông thôn. Rau an toàn là mặt hàng xuất khẩu có giá trị, cung cấp nguyên liệu cho các ngành công nghiệp chế biến như công nghiệp đồ hộp, bánh kẹo, sản xuất nước giải khát, làm hương liệu và góp phần phát triển chăn nuôi. Rau an toàn là một loại hàng hóa có giá trị, là thực phẩm không thể thiếu được của con người, rau xanh cung cấp rất nhiều vitamin A, B, C, D, E... các chất khoáng, xơ và một số dinh dưỡng không thể thiếu được đối với con người. Phát triển sản xuất rau an toàn tạo công ăn việc làm, nâng cao hiệu quả lao động, xoá đói giảm nghèo, ổn định và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người nông dân; phát triển sản xuất rau an toàn làm thay đổi bộ mặt nông thôn, góp phần phá vỡ thế độc canh, tăng hiệu quả sử dụng đất trong sản xuất nông nghiệp, làm đa dạng hoá các sản phẩm nông nghiệp và thị trường nông sản, tăng sản phẩm xã hội. Phát triển sản xuất rau an toàn còn mang lại sức khỏe cho cả cộng đồng, nâng cao đời sống và thu nhập cho người lao động, tạo cảnh quan và môi trường trong lành.

3. THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT, TIÊU THỤ RAU AN TOÀN Ở HUYỆN ĐỒNG HỖ

Đồng Hỷ là một huyện miền núi có điều kiện về đất đai, thời tiết, khí hậu thích hợp với nhiều chủng loại rau an toàn. Một số loại rau an toàn mang tính chất hàng hóa của huyện đang được người tiêu dùng ưa chuộng như cải

KINH TẾ - QUẢN LÝ

bắp, cà chua, súp lơ, su hào... Các hộ trồng rau đã áp dụng nhiều biện pháp khoa học kỹ thuật, trồng rau theo phương pháp kỹ thuật sản xuất rau an toàn như sử dụng phân hữu cơ, thuốc trừ sâu sinh học, chế độ cách ly phun thuốc sâu một cách hợp lý, chăm sóc, làm cỏ, bắt sâu cho rau... Các hộ trồng rau ở huyện Đông Hỷ có trình độ thâm canh cao, tiếp thu nhanh các tiến bộ khoa học kỹ thuật và chuyển giao công nghệ, vì vậy năng suất, chất lượng sản phẩm rau an toàn tốt, có giá trị kinh tế cao và đáp ứng được nhu cầu của người tiêu dùng. Người nông dân huyện Đông Hỷ những năm gần đây đã thấy được hiệu quả kinh tế và thu nhập từ sản xuất rau an toàn nên đã đầu tư vốn, đất đai và lực lượng lao động vào phát triển kinh tế sản xuất rau an toàn; một số vườn, ruộng

không có hiệu quả kinh tế được các hộ nông dân cải tạo chuyển đổi trồng một số loại rau an toàn như cải bắp, cà chua, súp lơ, su hào...

Năm 2004 diện tích rau an toàn huyện Đông Hỷ có 40,07 ha, bình quân năm 2002 - 2004 tăng 17,91%; năng suất rau bắp cải an toàn là 21,69 tấn/ha, bình quân tăng 1,13%; năng suất rau cà chua an toàn là 15,25 tấn/ha, bình quân tăng 0,4%; sản lượng rau bắp cải an toàn là 148,8 tấn, bình quân năm 20,14%; sản lượng rau cà chua an toàn là 118,2 tấn, bình quân tăng 28,24%. Nhìn chung diện tích, năng suất, sản lượng các loại rau an toàn của huyện Đông Hỷ có xu hướng tăng lên song còn chậm và không ổn định.

Bảng 1. Diện tích, năng suất và sản lượng rau an toàn huyện Đông Hỷ năm 2002 - 2004

Loại rau	Diện tích (ha)			Năng suất (tấn/ha)			Sản lượng (tấn)		
	2002	2003	2004	2002	2003	2004	2002	2003	2004
1. Cải bắp	4,86	5,86	6,86	21,21	21,63	21,69	103,1	126,8	148,8
2. Cà chua	4,75	6,75	7,75	15,13	15,19	15,25	71,9	102,5	118,2
3. Súp lơ	2,45	4,45	5,45	23,42	23,54	23,64	57,4	104,8	128,8
4. Su hào	4,6	4,93	5,67	13,19	13,32	13,49	60,7	65,7	76,5
5. Mướp đắng	1,23	1,43	1,53	18,75	18,97	19,05	23,1	27,1	29,1
6. Cà rốt	1,26	1,36	1,59	20,83	21,05	21,27	26,2	28,6	33,8
7. Dưa chuột	1,36	1,56	1,72	23,47	23,93	24,16	31,9	37,3	41,6
8. Đậu đỗ	1,15	1,95	1,98	13,88	13,99	14,02	16,0	27,3	27,8
9. Rau muống	1,23	1,23	1,23	10,42	10,49	10,57	12,8	12,9	13,0
10. Xà lách	0,72	0,76	0,78	27,94	27,62	27,43	20,1	21,0	21,4
11. Hành tỏi	0,52	0,55	0,52	19,38	19,41	19,46	10,1	10,7	10,1
12. Cải các loại	1,15	1,18	1,15	19,12	19,24	19,35	22,0	22,7	22,3
13. Các rau khác	3,54	3,64	3,84	14,13	14,15	14,26	50,0	51,5	54,8

Nguồn: Phòng Thống kê huyện Đông Hỷ [3]

Rau an toàn của huyện được tiêu thụ chủ yếu trên địa bàn huyện và thành phố Thái Nguyên, phục vụ cho nhu cầu tiêu dùng của người dân, chủ yếu có một số loại rau an toàn như cải bắp, cà chua, súp lơ, su hào. Tuy nhiên, rau an toàn trong huyện mới cung cấp được một phần nhu cầu của thị trường.

Sản phẩm rau an toàn của các hộ sản xuất rau được tiêu thụ qua hai kênh phân phối chính, kênh phân phối

trực tiếp là hộ sản xuất rau bán cho người tiêu dùng; kênh phân phối gián tiếp là hộ sản xuất rau bán cho các trung gian như hợp tác xã tiêu thụ hoặc đại lý, người bán buôn, người bán lẻ. Sản phẩm rau an toàn chủ yếu tiêu thụ qua kênh phân phối gián tiếp, người sản xuất hay bị ép giá.

Hiệu quả kinh tế là một trong những chỉ tiêu quyết định phương hướng sản xuất của người nông dân.

KINH TẾ - QUẢN LÝ

Bảng 2: So sánh kết quả và hiệu quả kinh tế sản xuất rau bắp cải an toàn và bắp cải thường tính trên 1 ha năm 2004

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Bắp cải an toàn	Bắp cải thường	So sánh BCAT/BCT	
				±	%
1. Năng suất bình quân	kg/ha	26.389	27.556	-1.167	95,77
2. Giá bình quân	đồng/kg	1.300	1.000	300	130,00
3. Tổng giá trị sx (GO)	1.000đ	34.306	27.556	6.750	124,50
4. Chi phí trung gian (IC)	1.000đ	12.861	12.542	319	102,54
5. Giá trị gia tăng (VA)	1.000đ	21.445	15.014	6.431	142,83
6. Khấu hao tài sản	1.000đ	833	556	277	149,82
7. Thu nhập hỗn hợp (MI)	1.000đ	20.612	14.458	6.154	142,57
8. Công lao động	1.000đ	11.667	9.167	2.500	127,27
9. Tổng chi phí (TC)	1.000đ	25.361	22.265	3.096	113,91
10. Lợi nhuận (TPr)	1.000đ	8.945	5.291	3.654	169,07
11. Một số chỉ tiêu					
11.1. Trên 1.000 đ chi phí					
GO/TC	lần	1,35	1,24	0,12	109,30
VA/TC	lần	0,85	0,67	0,17	125,40
MI/TC	lần	0,81	0,65	0,16	125,16
11.2. Trên 1 công lao động					
GO/CLĐ	1.000đ	44,09	45,10	-1,00	97,77
VA/CLĐ	1.000đ	27,56	24,57	2,99	112,17
MI/CLĐ	1.000đ	26,49	23,66	2,83	111,96

Nguồn: Tổng hợp và tính toán từ phiếu điều tra [1]

Bảng 3: Kết quả và hiệu quả kinh tế sản xuất của một số loại rau an toàn tính trên 1 ha tại huyện Đồng Hỷ năm 2004

Chỉ tiêu	ĐVT	Bắp cải an toàn	Su hào an toàn	Cà chua an toàn	Súp lơ an toàn
Tổng giá trị sản xuất (GO)	1.000đ	34.306	34.122	42.222	37.500
Tổng chi phí (TC)	1.000đ	25.361	25.292	32.791	25.764
Chi phí trung gian (IC)	1.000đ	12.861	11.958	19.458	12.014
Giá trị gia tăng (VA)	1.000đ	21.445	22.164	22.764	25.486
Thu nhập hỗn hợp (MI)	1.000đ	20.612	21.331	21.931	24.653
Lợi nhuận (TPr)	1.000đ	8.945	8.831	9.431	11.736
Giá trị gia tăng/Giá trị sản xuất	lần	0,63	0,65	0,54	0,68
Thu nhập hỗn hợp/Giá trị sản xuất	lần	0,60	0,63	0,52	0,66
Giá trị sản xuất/Tổng chi phí	lần	1,35	1,35	1,29	1,46
Giá trị gia tăng/Tổng chi phí	lần	0,85	0,88	0,69	0,99
Thu nhập hỗn hợp/Tổng chi phí	lần	0,81	0,84	0,67	0,96
Giá trị sản xuất/Công lao động	1.000đ	44,09	40,96	50,69	43,55
Giá trị gia tăng/Công lao động	1.000đ	27,56	26,61	27,33	29,60
Thu nhập hỗn hợp/Công lao động	1.000đ	26,49	25,61	26,33	28,63

Nguồn: Tổng hợp và tính toán từ phiếu điều tra [1]

Sản xuất rau an toàn ở huyện Đông Hỷ mang lại hiệu quả kinh tế cao hơn so với sản xuất rau thường (bảng 2). Giá trị sản xuất của bắp cải an toàn cao hơn bắp cải thường là 6.750 nghìn đồng, tăng 24,5%. Thu nhập hỗn hợp của bắp cải an toàn cao hơn bắp cải thường là 6.154 nghìn đồng, tăng 42,56%. Lợi nhuận của bắp cải an toàn cao hơn bắp cải thường là 3.654 nghìn đồng, tăng 69,07%.

Kết quả và hiệu quả kinh tế sản xuất một số loại rau an toàn trên 1 ha năm 2004 ở huyện Đông Hỷ còn thấp; sản xuất cà chua có tổng giá trị sản xuất lớn nhất là 42.222 nghìn đồng; su hào thấp nhất là 34.122 nghìn đồng. Sản xuất rau súp lơ có thu nhập hỗn hợp cao nhất là 24.653 nghìn đồng; rau bắp cải thấp nhất là 20.612 nghìn đồng. Sản xuất rau súp lơ có lợi nhuận cao nhất là 11.736 nghìn đồng; rau su hào thấp nhất là 8.831 nghìn đồng. Sản xuất rau súp lơ có thu nhập hỗn hợp trên công lao động cao nhất là 28.630 đồng/ngày công lao động; rau su hào thấp nhất là 25.610 đồng/ngày công lao động.

Nhu cầu về rau an toàn ngày càng tăng, cần phải có những giải pháp phát triển sản xuất rau toàn trong thời gian tới để tăng năng suất, chất lượng sản phẩm rau an toàn và hiệu quả kinh tế sản xuất rau an toàn của người dân trong huyện.

4. MỘT SỐ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU NHẪM PHÁT TRIỂN VÀ NÂNG CAO HIỆU QUẢ KINH TẾ SẢN XUẤT RAU AN TOÀN Ở HUYỆN ĐÔNG HỶ

4.1. Thị trường tiêu thụ sản phẩm rau an toàn

Khuyến khích phát triển sản xuất, tạo nguồn sản phẩm hàng hóa lớn rau an toàn ổn định, lâu dài. Huyện chủ động phối hợp với các cơ quan có trách nhiệm giúp người dân trồng rau an toàn hạn chế những rủi ro do thiên tai và biến động bất thường của thị trường gây ra. Tạo yêu cầu đa dạng phong phú về sản phẩm rau an toàn, có kế hoạch chủ động tiêu thụ, chấn chỉnh hệ thống cung ứng và tiêu thụ trên địa bàn huyện, tỉnh và ngoài tỉnh, khuyến khích lưu thông sản phẩm hàng hóa rau an toàn. Hình thành mạng lưới đại lý, cửa hàng bán rau an toàn tại thị trường trong huyện; thành phố Thái Nguyên, nhà máy, khu công nghiệp, khu đô thị, khu du lịch, khách sạn, nhà hàng, các trường đại học; mở rộng thị trường tiêu thụ ra các tỉnh Hà Nội, Vĩnh Phúc, Bắc Kạn, Cao Bằng, Lạng Sơn. Tăng cường công tác khuyến nông, cung cấp thông tin thị trường như các thông tin về cầu, cung, giá cả, thị

trường tiêu thụ cho người sản xuất; tuyên truyền, tham gia hội chợ, giới thiệu về sản phẩm rau an toàn.

4.2. Mở rộng diện tích, tăng năng suất và đảm bảo chất lượng sản phẩm rau an toàn

- Quy hoạch phát triển sản xuất rau an toàn: Xác định vùng trồng theo từng đối tượng chủng loại rau an toàn của từng tiểu vùng; tìm hiểu về các yếu tố đất đai, thời tiết, khí hậu, lượng mưa hàng năm ở từng vùng làm cơ sở cho lựa chọn chủng loại rau an toàn phù hợp. Tiến hành phân bổ cải tạo vườn, ruộng hiệu quả kinh tế thấp thành đất trồng rau an toàn có hiệu quả kinh tế cao. Chuyển đổi đất bồi bãi, đất chưa sử dụng không có hiệu quả sang trồng rau an toàn tập trung. Xây dựng các vùng rau an toàn đẹp, tiên tiến điển hình, có chất lượng, cần gắn hiệu quả kinh tế sản xuất rau an toàn với hiệu quả xã hội và hiệu quả môi trường.

- Tổ chức đầu tư thâm canh: Hình thành trung tâm giống rau an toàn, nhân giống theo phương pháp khoa học đồng thời cần hướng dẫn cho các gia đình có kinh nghiệm tham gia vào việc sản xuất giống rau an toàn, nhân giống theo phương pháp khoa học, sau đó nhân ra diện rộng. Có thể sản xuất rau sạch bằng phương pháp kỹ thuật thủy canh, trồng rau trong điều kiện có thiết bị che chắn, trồng rau trong điều kiện ngoài đồng; phải thực hiện đúng quy trình kỹ thuật từ khâu trồng, chăm sóc, phòng trừ sâu bệnh, thu hoạch, bảo quản, đóng gói. Cần tập trung đưa các kỹ thuật hiện đại vào các khâu như bảo quản, bao bì, đóng gói sản phẩm rau an toàn, thiết kế nhãn hiệu và gắn nhãn hiệu, phiếu bảo hành cho sản phẩm trước khi đưa ra thị trường; chú trọng nâng cao chất lượng sản phẩm rau an toàn, xây dựng thương hiệu sản phẩm rau an toàn huyện Đông Hỷ.

4.3. Tăng cường cơ sở hạ tầng và vốn đầu tư cho sản xuất rau an toàn

Tăng cường xây dựng cơ sở hạ tầng, chú trọng công tác thủy lợi; hiện đại hóa hệ thống thông tin liên lạc, khuyến khích sử dụng điện thoại cá nhân giúp người trồng rau nắm bắt thông tin cần thiết, kịp thời để có những quyết định đúng đắn trong các quyết định sản xuất, kinh doanh rau an toàn. Huyện cần đầu tư cho giao thông, điện, y tế, trường học và hệ thống chợ ở các xã trong huyện.

Huy động nguồn vốn tự có của người dân để phát triển sản xuất rau an toàn; hỗ trợ vốn cho hoạt động đào tạo tập huấn kỹ thuật, tài liệu, tham quan, đào tạo bồi dưỡng nâng cao trình độ quản lý, trình độ khoa học kỹ thuật sản xuất rau an toàn. Có chính sách cho vay

vốn, lãi suất ưu đãi đối với người sản xuất rau an toàn tùy theo nhu cầu vay vốn cho vay ngắn hạn để mua vật tư, chi phí trồng rau an toàn như hạt giống, cây giống, phân bón, thuốc trừ sâu, làm đất... thuộc vốn lưu động phải thuê, mua trên thị trường. Cho vay trung hạn chi phí để mở rộng diện tích canh tác, xây dựng cơ bản đồng ruộng để gieo trồng rau an toàn, đầu tư vào làm nhà lưới, máy bơm nước, hệ thống tưới tiêu. Chi phí cải tạo, đổi mới công nghệ phục vụ sản xuất rau an toàn. Tăng cường liên doanh, liên kết với các tổ chức để tạo vốn đầu tư cho sản xuất rau an toàn.

4.4. Quy định các yêu cầu rau an toàn và biện pháp quản lý đối với rau an toàn

Sản phẩm rau được xem là sạch hay an toàn khi đáp ứng được các yêu cầu sau:

- Sạch, hấp dẫn về hình thức: Rau tươi, sạch bụi, bẩn, tạp chất. Thu đúng độ chín, khi có chất lượng cao nhất, không có triệu chứng bệnh. Có bao bì vệ sinh, hấp dẫn.

- Sạch, an toàn về chất lượng: Khi các sản phẩm rau không chứa các dư lượng sau đây vượt ngưỡng cho

phép theo tiêu chuẩn vệ sinh y tế: Dư lượng thuốc bảo vệ thực vật, dư lượng nitrat, dư lượng kim loại nặng, vi sinh vật gây hại. Yêu cầu này phụ thuộc vào môi trường canh tác và kỹ thuật trồng trọt, là yếu tố quyết định rau sạch hay ô nhiễm.

Các cơ quan chức năng ban hành các tiêu chuẩn vệ sinh đối với sản xuất sản phẩm rau an toàn, các quy định về điều kiện sản xuất, lưu thông và việc kiểm tra, giám sát thực hiện. Các cấp, các ngành cần đẩy mạnh công tác tuyên truyền, nghiên cứu để mở rộng sản xuất, thường xuyên kiểm tra giám sát chất lượng sản phẩm rau an toàn và có các chính sách hỗ trợ để sản xuất rau an toàn phát triển theo hướng xanh, sạch và bền vững.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Lưu Thái Bình (2005). "Đánh giá hiệu quả kinh tế sản xuất rau an toàn tại huyện Đông Hy, tỉnh Thái Nguyên". Luận văn Thạc sỹ Kinh tế.
2. Trần Khắc Thi, Trần Ngọc Hùng (2004), Kỹ thuật trồng rau an toàn tập I,II. Nhà xuất bản Nông nghiệp, Hà Nội.
3. Phòng Thống kê, phòng NN và PTNT, các phòng, ban huyện Đông Hy: Số liệu thống kê, báo cáo năm 2002 - 2004. □

VỀ SẢN XUẤT NÔNG LÂM NGHIỆP VÀ THỦY SẢN 2005

Giá trị sản xuất khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản năm 2005 theo giá so sánh năm 1994 ước tính đạt 182,0 nghìn tỷ đồng, tăng 4,9% so với năm 2004, trong đó nông nghiệp tăng 3,2%; lâm nghiệp tăng 1,2%; thủy sản tăng 12%.

Sản lượng lúa cả năm ước tính đạt 35,79 triệu tấn, giảm 35,8 vạn tấn so với năm 2004, do diện tích giảm 119 nghìn ha và năng suất chỉ đạt xấp xỉ năm 2004. Sản lượng lúa các địa phương phía Bắc giảm 67,9 vạn tấn, các địa phương phía Nam tăng 32,1 vạn tấn, riêng đồng bằng sông Cửu Long tăng 66,7 vạn tấn so với năm 2004. Nếu tính thêm 3,76 triệu tấn ngô và các loại cây lương thực có hạt cả năm đạt 39,55 triệu tấn, xấp xỉ sản lượng năm 2004.

Sản xuất cây công nghiệp hàng năm tăng khá so với năm trước. Sản xuất cây công nghiệp lâu năm có nhiều tiến bộ, do diện tích thu hoạch được mở rộng, trong đó sản lượng chè tăng 4%; cao su tăng 11,8%; hồ tiêu tăng 4,9%; điều tăng 13,3%; riềng cà phê giảm 8,2% do nắng hạn. Sản lượng nhiều loại quả tăng so với năm trước, do tăng diện tích cây ăn quả, cải tạo vườn tạp và tăng diện tích cây trồng đặc sản, có giá trị hàng hóa cao.

Chăn nuôi gia súc phát triển nhanh, nhờ tăng cầu thực phẩm thay thế cho các sản phẩm gia cầm; giá bán sản phẩm ổn định ở mức cao và áp dụng phương thức nuôi công nghiệp, phát triển mô hình trang trại. Theo kết quả điều tra 1/8/2005 đàn trâu tăng 1,8% so với năm 2004, đàn bò tăng 12,9%, đàn lợn tăng 4,9%. Chăn nuôi gia cầm bị ảnh hưởng bởi dịch cúm tái phát, tính từ 1/10/2005 đến nay tổng số gia cầm bị tiêu hủy là 3,58 triệu con, trong đó gà 1,21 triệu con; ngan, vịt 1,89 triệu con.

Diện tích rừng trồng tập trung cả nước đạt 184,5 nghìn ha, tăng 0,1% so với năm 2004; số cây phân tán (chỉ tính cây lâm nghiệp) đạt 245,8 triệu cây, tăng 1,9%; sản lượng gỗ khai thác (kể cả gỗ nguyên liệu giấy) đạt 2703,0 nghìn m³, tăng 2,9%. Công tác bảo vệ, phòng chống cháy rừng đã được quan tâm và đầu tư nhiều hơn năm trước, nhưng do thời tiết nắng, nóng kéo dài gây hạn hán ở nhiều nơi, nên diện tích rừng bị thiệt hại vẫn ở mức cao.

Sản lượng thủy sản cả năm ước tính 3432,8 nghìn tấn, tăng 9,2% so với năm 2004, trong đó nuôi trồng 1437,4 nghìn tấn, tăng 19,5% khai thác 1995,4 nghìn tấn, tăng 2,9% (khai thác biển 1809,7 nghìn tấn, tăng 4,4%). Nuôi trồng thủy sản tăng do diện tích 4,3% và đa dạng hóa hình thức nuôi trồng theo hướng hiệu quả cao và bền vững. Khai thác thủy sản tăng, do các địa phương đã hướng dẫn ngư dân hợp tác sản xuất, bám biển dài ngày, tìm ngư trường mới, tổ chức các đội tàu dịch vụ thu mua sản phẩm và cung ứng nhiên liệu cho tàu đánh bắt xa bờ, góp phần giảm chi phí sản xuất, tăng năng suất tàu, thuyền. □

(Theo báo cáo của Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê, tại Hà Nội 31/12/2005)